

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

NGÔ NGỌC CÁT^(*) (chủ biên). **Chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị.** H.: Lao động - Xã hội, 2006, 67 tr.

*KHÚC ĐÌNH NAM
lược thuật*

Dự án "Hỗ trợ xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 Quốc gia của Việt Nam VIE/01/021" do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện cùng phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và sự hỗ trợ hợp tác của các tổ chức quốc tế UNDP, DANIDA, SIDA,... Dự án gồm 4 hợp phần chính, trong đó có hợp phần nghiên cứu chính sách phát triển bền vững (PTBV). Kết quả nghiên cứu của Dự án đóng góp một phần tích cực vào việc hoàn thành hệ thống chính sách PTBV ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước. Dự án VIE/01/021 đã xuất bản bộ sách nhằm công bố các kết quả nghiên cứu của Dự án, làm tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách và kế hoạch liên quan đến PTBV. Bộ sách gồm 10 cuốn, tập trung vào 10 chủ đề, trong đó "Chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị" là một trong 10 chủ đề được thực hiện.

Cuốn sách "Chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị" là chuyên khảo tổng hợp, được tập hợp từ nhiều chuyên đề và kết quả nghiên cứu do PGS., TS. Ngô Ngọc Cát làm chủ biên và một tập thể tác giả là các nhà nghiên cứu đại diện của nhiều bộ, ngành tham gia biên soạn.

Cuốn sách cung cấp những thông tin cơ bản có tính hệ thống cũng như những kinh nghiệm thực tiễn về PTBV cho các nhà nghiên cứu kinh tế, xã hội, môi trường, các nhà hoạch định chính sách và những người quan tâm đến chính sách PTBV ở Việt Nam. Dưới đây

là lược thuật những nội dung chính của cuốn sách.

Trọng tâm nghiên cứu của các tác giả là vấn đề thực thi chính sách PTBV ở Việt Nam và đề xuất các khuyến nghị. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm: 1/ Đánh giá một cách khách quan và toàn diện hệ thống chính sách PTBV quốc gia, phân tích các thành tựu và yếu kém khi thực hiện Luật Môi trường (1993), Nghị quyết 41/NQ-TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong

^(*) PGS., TS. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

thời kỳ đẩy mạnh CNH, HDH đất nước và Quyết định 153/2004/QĐ-TTg của Chính phủ về Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam (hay Chương trình Nghị sự 21 Quốc gia của Việt Nam); 2/ Đề xuất các khuyến nghị thích hợp nhằm đổi mới và tiếp tục hoàn thiện các chính sách thực thi định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam.

Sách gồm 67 trang chia thành 3 chương.

Chương
1: *Những
vấn đề
chung về
PTBV;*

Chương
2: *Tổng quan
và đánh giá
chính sách
PTBV ở Việt
Nam;*

Chương 3: *Các khuyến nghị xây
dựng thể chế, chính sách nhằm thúc
đẩy PTBV ở Việt Nam.*

Ở phần đầu chương 1, các tác giả làm rõ các khái niệm về "phát triển" và "phát triển bền vững". Có nhiều định nghĩa về khái niệm này, nhưng định nghĩa được nhiều quốc gia thừa nhận là định nghĩa của Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển (năm 1987): *Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.* Định nghĩa này có thể mở rộng ra với 3 cấu thành cơ bản về sự PTBV:

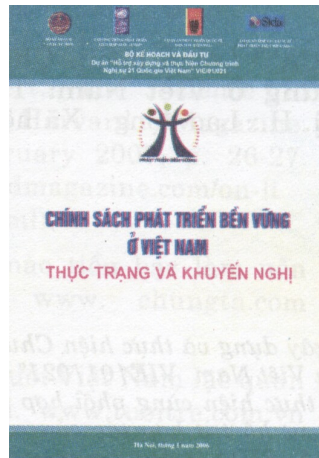
- *Về mặt kinh tế:* một hệ thống bền vững về kinh tế phải tạo ra hàng hoá và dịch vụ một cách liên tục, với mức độ có thể kiểm soát được, tránh sự mất cân đối giữa các khu vực làm tổn hại đến sản

xuất nông nghiệp và công nghiệp.

- *Về mặt xã hội:* một hệ thống bền vững về mặt xã hội phải đạt được sự công bằng trong phân phối, cung cấp đủ các dịch vụ xã hội bao gồm y tế, giáo dục, công bằng giới, sự tham gia và trách nhiệm chính trị.

- *Về môi trường:* một hệ thống phát triển bền vững phải duy trì nên tăng nguồn lực ổn định, tránh khai thác quá mức. Điều này bao gồm việc duy trì sự đa dạng sinh học, sự ổn định khí quyển và các hoạt động sinh thái khác. Trong đó, các điều kiện có tính nguyên tắc về PTBV là: duy trì dân số ở mức tối thiểu; khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên (không thể tái tạo và có thể tái tạo được); ngăn cản sự thoái hoá môi trường; cải thiện hiệu quả năng lượng.

Nội dung thứ hai của chương này trình bày *những tiếp cận về PTBV trên thế giới và ở Việt Nam những năm gần đây.* Nghiên cứu nêu lên những nội dung cơ bản sau: Mỗi quốc gia trên thế giới, ngoài thực hiện nguyên tắc chung về PTBV, đều xuất phát từ đặc thù riêng của mình để chọn lựa cách tiếp cận thích hợp. Các tác giả đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản trong xây dựng cách tiếp cận đến PTBV của một số nước. Ở *Trung Quốc* với đặc thù là dân số đông, "Chương trình Nghị sự 21 Trung Quốc" có tên gọi "Sách trắng về dân số, môi trường và phát triển của Trung Quốc trong thế kỷ 21", được xây dựng năm 1994. Chương trình này tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Xây dựng chiến lược PTBV, kế hoạch phát triển xã hội bền vững (dân số, dịch vụ xã hội, xoá đói giảm nghèo); phát triển kinh tế bền vững (phát triển nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, sản xuất tiêu thụ năng lượng); sử dụng nguồn lực và bảo vệ môi trường. *Mông Cổ* là nước có dân số ít, trình độ phát triển còn thấp do đó quan điểm PTBV trước hết là hỗ trợ phát triển con người, nâng



cao mức sống nhân dân và tạo môi trường hài hoà giữa phát triển kinh tế-xã hội và môi trường sinh thái. *Cộng hoà Liên bang Đức* là quốc gia có trình độ phát triển cao, chiến lược PTBV được xây dựng trên cơ sở tiếp cận tổng hoà 4 yếu tố: công bằng giữa các thế hệ; chất lượng cuộc sống; gắn kết xã hội và trách nhiệm quốc tế. Ở *Thụy Điển*, chiến lược PTBV được xây dựng năm 2004 với 8 điểm chính: môi trường trong tương lai; giới hạn thay đổi khí hậu; dân số và sức khoẻ cộng đồng; sự liên kết xã hội, phúc lợi và an toàn xã hội; làm việc và học hỏi kiến thức xã hội; tăng trưởng kinh tế bền vững và cạnh tranh; phát triển bền vững; kế hoạch cộng đồng bền vững

Tiếp theo, các tác giả trình bày về *tiến trình thể chế hoá cơ chế, chính sách về PTBV ở Việt Nam*. Các tác giả nêu lên một số điểm mốc cho thấy quá trình nhận thức về PTBV của Việt Nam tiến triển tốt qua các thời kỳ. Năm 1991, Chính phủ đã ban hành Quyết định 187/CT về kế hoạch hành động quốc gia về môi trường giai đoạn 1991-2000. Năm 1992 Việt Nam chính thức ký Bản tuyên ngôn về môi trường và PTBV tại Hội nghị Rio de Janeiro Brazil. Tiếp đó năm 1993, Luật Bảo vệ môi trường được ban hành. Đây là cơ sở pháp lý để điều chỉnh các hoạt động, các hành vi của mỗi cá nhân, mỗi tổ chức và toàn xã hội nhằm bảo vệ môi trường. Năm 1998, Chỉ thị 36 CT/TW của Bộ Chính trị khẳng định quan điểm PTBV của Việt Nam, trong đó nhấn mạnh: Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng để bảo đảm PTBV. Năm 2002, Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Năm 2003, “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020” được Chính phủ chính thức phê duyệt, trong

đó quan điểm về PTBV của Việt Nam được tái khẳng định. Năm 2004, “Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam” (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) đã được ban hành tại Quyết định 153/2004/TTg, trong đó nêu rõ các mục tiêu dài hạn, các lĩnh vực cần ưu tiên, các chính sách và biện pháp tổ chức triển khai. Cùng năm 2004, Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH khẳng định quan điểm của Việt Nam về PTBV và bảo vệ môi trường. Năm 2005, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 5 thông qua Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Luật năm 2005 thể hiện các quan điểm và nguyên tắc sau: phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tiến trình phát triển nhận thức về PTBV phản ánh quan điểm của Việt Nam về PTBV. Quan điểm này được cụ thể hoá thành mục tiêu PTBV và được thể chế hoá bằng những văn kiện của Đảng, các chương trình và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước.

Phần tiếp theo trình bày về *thực trạng PTBV ở Việt Nam*. Trong phần này các tác giả đã làm rõ một câu hỏi được đặt ra khi đánh giá thực trạng PTBV ở Việt Nam hiện nay là: Việt Nam đang đứng ở đâu trên con đường tiến tới PTBV và cho rằng xét tổng thể các yếu tố liên quan đến đánh giá PTBV, có thể nhận định: *Việt Nam đang ở giai đoạn đầu trên con đường tiến tới PTBV*.

Nội dung thứ tư trình bày tác động của một số chính sách kinh tế hiện hành đang làm hạn chế sự PTBV ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu đã chỉ ra các tác động gây cản trở của các chính sách kinh tế trong nông, lâm nghiệp và thủy sản (được chia thành 6 nhóm như nhóm chính sách về đất đai, nhóm chính sách về đầu tư, về đào tạo lao động, việc làm, về khoa học-công nghệ và khuyến nông,

về thị trường nông sản và về cơ sở hạ tầng); tác động của chính sách năng lượng và của chính sách đô thị hoá đến PTBV ở nước ta. Trong mỗi phần cụ thể, nghiên cứu chỉ ra những mặt hạn chế của từng nhóm chính sách. Chẳng hạn, nhóm chính sách về đào tạo lao động và việc làm thiên về đào tạo đại học và cao đẳng, mà chưa chú trọng đến đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt là giai đoạn rút dần lao động ra khỏi nông nghiệp. Chính sách về đào tạo lao động ở nông thôn lại rất chung chung, thiếu thu hút, khuyến khích cán bộ, công nhân kỹ thuật về làm việc ở nông thôn

Tiếp theo, các tác giả chỉ ra 9 nguyên tắc cơ bản để xây dựng xã hội phát triển và những nội dung cụ thể của năm tiêu chí đánh giá PTBV như tiêu chí kinh tế, tiêu chí xã hội, tiêu chí văn hoá, tiêu chí về tài nguyên-môi trường và các tiêu chí về thể chế.

Cuối cùng, các tác giả nêu lên *những thuận lợi và bất cập chủ yếu trong PTBV ở Việt Nam*. Các *thuận lợi cơ bản* được nêu lên là: Việt Nam đã tranh thủ được nhiều nguồn vốn quốc tế, tiếp thu được các công nghệ hiện đại, học tập được nhiều kinh nghiệm về tổ chức quản lý ở trình độ cao trong quá trình hội nhập quốc tế; Công tác xoá đói giảm nghèo đạt được nhiều thành tựu nổi bật; Đảng và Chính phủ kiên trì chỉ đạo thực hiện ba nhiệm vụ lớn góp phần đẩy nhanh PTBV ở Việt Nam; Nền kinh tế trong 5 năm qua đạt được kết quả rất khả quan và khá toàn diện.

Qua nghiên cứu, các tác giả nêu lên tác động tích cực của những nguyên nhân dẫn đến các thành tựu đã đạt được trong PTBV ở nước ta, đặc biệt nhấn mạnh: ý chí, quyết tâm mạnh mẽ của cấp lãnh đạo cao nhất (Đảng, Quốc hội, Chính phủ), sự nhận thức ban đầu tương đối tốt, hệ thống chính sách, cơ chế hướng ngày càng nhiều vào yêu cầu PTBV cùng một

mạng lưới quốc gia về PTBV là những thuận lợi cơ bản để Việt Nam thực hiện các yêu cầu của PTBV.

Các thách thức chủ yếu đã được chỉ ra như: Chất lượng tăng trưởng chưa cao. Đây là một thách thức lớn của Việt Nam. Xét về tổng thể thì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chủ yếu dựa vào nguồn vốn đóng góp và do đầu tư từ tài nguyên đem lại. Theo kinh nghiệm các nước thì nếu sự tăng trưởng kinh tế chỉ đơn thuần dựa trên đầu tư tài nguyên mà không gắn liền với tiến bộ kỹ thuật công nghệ chế biến thì tất yếu sẽ bị chế ước bởi Quy luật giảm dần về thu lợi. Điều này sẽ dẫn tới sự phát triển không bền vững cho Việt Nam. Điều kiện cạnh tranh gay gắt trên thế giới cũng là một thách thức đối với nước ta. Năng lực cạnh tranh là yếu tố then chốt tạo nên chất lượng tăng trưởng. Hiện tại năng lực cạnh tranh của nước ta còn thấp cộng với sự tham gia hội nhập kinh tế quốc tế muộn nên chịu sức ép cạnh tranh quốc tế lớn. Một thách thức nữa là nguồn nhân lực. Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, trẻ, khoẻ, nhưng tỷ lệ lao động qua đào tạo còn rất thấp, mới đạt được khoảng 20%, chưa có kỹ năng và thói quen công nghiệp cần thiết, thiếu các kiến thức về kinh tế thị trường. Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề thiếu hụt nghiêm trọng lao động có tay nghề kỹ thuật cao, các chuyên gia đầu ngành thuộc các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Còn tồn tại nhiều bất hợp lý trong các thể chế, chính sách về phát triển, quản lý nguồn nhân lực và giải quyết vấn đề lao động. Những khó khăn thách thức cơ bản về kinh tế cũng là thách thức lớn đối với PTBV. Bên cạnh những khó khăn được chỉ ra như chất lượng tăng trưởng còn thấp, năng lực cạnh tranh còn yếu, thì chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, một số cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc, hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại

còn nhiều hạn chế, cơ chế, chính sách về văn hoá, xã hội chậm được cụ thể hoá, nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được khắc phục và đẩy lùi là những thách thức, khó khăn lớn mà Việt Nam cần phải vượt qua để thực hiện được PTBV.

Chương II trình bày *tổng quan và đánh giá chính sách PTBV ở Việt Nam*.

Nội dung thứ nhất của chương này nêu lên *những mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc chính và các hoạt động ưu tiên để PTBV ở Việt Nam*.

Mục tiêu tổng quát của PTBV được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 của Đại hội Đảng lần thứ IX là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội; sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Các mục tiêu PTBV về kinh tế, về xã hội và về môi trường cũng được nêu lên cụ thể.

Nghiên cứu đưa ra *những nguyên tắc chính* cần phải quan tâm để thực hiện được các mục tiêu của PTBV, đó là: 1. Con người là trung tâm của PTBV; 2. Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn phát triển sắp tới; 3. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển; 4. Phát triển phải bảo đảm đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của thế hệ tương lai; 5. Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho phát triển; 6. PTBV là sự nghiệp của toàn Đảng và của tất cả các cấp, ngành, các cộng đồng dân cư và mọi người dân; 7. Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để PTBV đất nước; 8. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh

tế-xã hội-môi trường với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội.

Các lĩnh vực cần ưu tiên trong chính sách PTBV cụ thể như trong lĩnh vực kinh tế chú trọng duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường; thực hiện quá trình “công nghiệp hóa sạch”; phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; PTBV các vùng và địa phương. Các lĩnh vực ưu tiên về xã hội như đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giảm mức tăng dân số và tạo thêm việc làm; định hướng đô thị hoá và di dân nhằm PTBV các đô thị, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng; nâng cao chất lượng giáo dục; phát triển cả về số lượng và chất lượng các dịch vụ xã hội và cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường. Các lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển tài nguyên thiên nhiên và môi trường bền vững như: chống thoái hoá đất, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên rừng...

Nội dung thứ hai của chương: *đánh giá tình hình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về PTBV ở Việt Nam thời gian qua*. Các tác giả đã nêu lên những thành tựu chủ yếu trong việc cụ thể hoá đường lối chiến lược phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam giai đoạn 2001-2010 như Quyết định 153/2004/QĐ-TTg xác định Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam. Định hướng này thực chất là một chiến lược khung bao gồm những định hướng lớn về kinh tế, xã hội và môi trường làm cơ sở pháp lý để các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân thực hiện và cùng phối hợp hoạt động nhằm bảo đảm PTBV đất nước. Các văn bản quy định chế tài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đã được ban hành và hoàn thiện như Nghị định 26-CP của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn môi

trường được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 175/CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành luật. Hệ thống tiêu chuẩn môi trường được xây dựng và đưa vào áp dụng. Các văn bản quy phạm hoá việc áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường được ban hành như Nghị định 67/2003/NĐ-CP của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường, Quyết định 64/2003/QĐ-TTg về kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Việc tổ chức triển khai thực thi các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường được chú trọng. Nhận thức về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, của nhân dân được nâng cao.

Những tồn tại cũng được chỉ ra như về mặt nhận thức còn tồn tại phổ biến tư tưởng coi trọng lợi ích cục bộ trước mắt về kinh tế mà không chú ý đến lợi ích về môi trường; Còn tồn tại tình trạng gây mất vệ sinh, dùng các biện pháp huỷ diệt trong khai thác thuỷ sản, ; Hệ thống các cơ quan quản lý về môi trường tuy đã được tăng cường một bước song còn thiếu về số lượng và năng lực hạn chế, sự phối hợp liên ngành, liên vùng còn kém hiệu quả, Đầu tư cho bảo vệ môi trường còn rất thấp, các doanh nghiệp chưa chú ý đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Hiệu quả đầu tư thấp, nguồn vốn phân bổ còn dàn trải, ; Chế tài thực hiện pháp luật chưa đủ mạnh để ngăn chặn và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường, chậm triển khai các biện pháp kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường, Nguyên nhân của những tồn tại trên chủ yếu do nhận thức chưa đầy đủ của các cấp, các ngành và của người dân về bảo vệ môi trường. Tổ chức quản lý môi trường các cấp còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, môi trường nước ta sẽ tiếp tục bị ô nhiễm và suy thoái. Đây chính là báo động gay gắt

cần được chú trọng giải quyết để bảo đảm PTBV.

Chương III đề cập đến *các khuyến nghị xây dựng thể chế, chính sách nhằm thúc đẩy PTBV ở Việt Nam.*

Khuyến nghị thứ nhất là hoàn thiện hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý, thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam. Mục tiêu tổng quát là hoàn thiện hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý, thực hiện Chiến lược PTBV các cấp ở Việt Nam nhằm thực hiện thành công mục tiêu PTBV đất nước. Từ mục tiêu tổng quát xác định mục tiêu cụ thể là thiết lập được một hệ thống các cơ quan quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương và cơ sở nhằm chỉ đạo nhất quán, quản lý thống nhất, chặt chẽ việc xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược PTBV ở Việt Nam. Hình thức tổ chức cụ thể gồm: ở cấp quốc gia thành lập Hội đồng Phát triển bền vững Quốc gia có chức năng, nhiệm vụ tổ chức, hướng dẫn và chỉ đạo thống nhất thực hiện Chương trình Nghị sự 21; tổ chức phối hợp các hoạt động liên ngành, liên vùng trong xây dựng định hướng chiến lược, chương trình PTBV; Chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về PTBV, Nghiên cứu cũng khuyến nghị về phương án tổ chức, phương thức hoạt động của Hội đồng này. Ở cấp tỉnh, thành phố: thành lập Hội đồng (hoặc Ban chỉ đạo) PTBV tỉnh, thành phố và các khuyến nghị về chức năng, nhiệm vụ, phương án tổ chức và phương thức hoạt động. Ở cấp cơ sở (đơn vị lãnh thổ hoặc đơn vị sản xuất kinh doanh) được thành lập Hội đồng hoặc Ban PTBV cơ sở và các khuyến nghị về chức năng, nhiệm vụ, phương án tổ chức và phương thức hoạt động.

(xem tiếp trang 37)